

Số: 350/BC-UBND

Kiên Giang, ngày 21 tháng 11 năm 2018

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018
và phương hướng nhiệm vụ năm 2019**

Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2018**

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2018; Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 08/01/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các kế hoạch, chỉ đạo tổ chức thực hiện, kết quả đạt được như sau:

Thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo thực hiện đạt và vượt kế hoạch **21/22** chỉ tiêu; **01/22** chỉ tiêu gần đạt kế hoạch.

I. VỀ KINH TẾ

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2018 theo (giá so sánh 2010) ước tăng 7,51% so với năm 2017. Trong mức tăng chung, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,21%, đóng góp cho tăng trưởng chung 1,84 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,43%, đóng góp tăng trưởng chung 1,42 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 9,41%, đóng góp tăng trưởng chung 3,98 điểm phần trăm; Thuế nhập khẩu, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 8,10%, đóng góp tăng trưởng chung 0,27 điểm phần trăm.

Thu nhập bình quân đầu người 2.094 USD, đạt 106,29% kế hoạch.

1. Tình hình phát triển sản xuất nông, lâm, thủy sản và xây dựng nông thôn mới

Giá trị sản xuất lĩnh vực nông, lâm, thủy sản năm 2018 (theo giá so sánh 2010) ước đạt 59.546,21 tỷ đồng, đạt 101,84% kế hoạch, tăng 6,35% so với năm 2017. Trong đó, nông nghiệp 29.714,67 tỷ đồng, đạt 103,34% kế hoạch, tăng 3,38%; thủy sản 29.549,21 tỷ đồng, đạt 100,41% kế hoạch, tăng 9,58%.



- Nông nghiệp: Thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị sản xuất theo chuỗi giá trị. Tổng diện tích gieo trồng lúa 728.415 ha, đạt 103,32% so với kế hoạch, giảm 0,93% so với cùng kỳ; trong đó, lúa chất lượng cao chiếm 76,54% tổng diện tích gieo trồng. Năng suất thu hoạch 5,85 tấn/ha, giảm 0,179 tấn/ha so với kế hoạch và tăng 0,329 tấn/ha so cùng kỳ. Sản lượng lúa cả năm ước đạt 4.260.185 tấn, đạt 100,24% kế hoạch, tăng 4,96% so với năm 2017.

Thực hiện nâng cao giá trị sản phẩm, liên kết sản xuất theo mô hình cánh đồng lớn: Trong năm, thực hiện được 213 cánh đồng lớn (tăng 44 so với năm 2017), với diện tích trên 75.000 ha, tập trung ở các huyện: Hòa Đất, Tân Hiệp, Giồng Riềng, Châu Thành, Gò Quao, Giang Thành, trong đó, có 71.000 ha hỗ trợ kỹ thuật, ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm.

- Rau màu và cây công nghiệp nhìn chung diện tích giảm so với 2017, gieo trồng được 1.352 ha khoai lang, 551 ha khoai mỳ, 1.243 ha dưa hấu, 252 ha bắp¹..., góp phần tăng thêm thu nhập cho bà con nông dân; cây công nghiệp, cây ăn quả, cây lâu năm tiếp tục duy trì phát triển như: Tiêu, khóm, mía...

- Tình hình chăn nuôi trong tỉnh ổn định, đã chủ động hơn trong phòng chống dịch bệnh, kiểm dịch, kiểm soát giết mổ được quan tâm thực hiện; bệnh cúm gia cầm được kiểm soát, không phát sinh dịch bệnh nghiêm trọng và lây lan diện rộng.

- Công tác chăm sóc và bảo vệ rừng được quan tâm thường xuyên, bên cạnh việc phối kết hợp giữa ngành chức năng với các địa phương trong tuyên truyền giáo dục, vận động nhân dân bảo vệ rừng; công tác tuần tra, kiểm soát, ngăn chặn hành vi xâm hại đến diện tích rừng được tăng cường, kịp thời xử lý các vụ việc chặt phá, lấn chiếm rừng trái phép, tỷ lệ che phủ rừng đạt 10,37² (Kế hoạch 10,96%).

- Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản 815.423 tấn, đạt 104,01% kế hoạch, tăng 6,82% (tăng 52.047 tấn) so với cùng kỳ. Sản lượng nuôi trồng thủy sản 225.888 tấn đạt 98,21% kế hoạch và tăng 4,99% so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng tôm nuôi đạt 73.390 tấn, đạt 106,36% kế hoạch và tăng 10,71% (tăng 7.100 tấn) so với cùng kỳ.

- Thực hiện chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung Nghị định số 67/2014/NĐ-CP) lũy kế giải ngân từ đầu chương trình đạt 328,05 tỷ đồng; dư nợ còn 292,77 tỷ đồng, có 47/48 tàu đã hạ thủy; chi trả bảo hiểm 133,34 tỷ đồng cho 26.924 lượt người và 4.131 lượt tàu cá.

¹ Khoai lang giảm 180 ha, khoai mỳ giảm 99 ha, dưa hấu giảm 167 ha ...

² Diện tích đất lâm nghiệp có rừng/Tổng diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh (65.875 ha/634.874,4 ha)

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã huy động cả hệ thống chính trị các cấp tập trung chỉ đạo, số lượng xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt kế hoạch đề ra. Trong năm, có thêm 11 xã được công nhận xã nông thôn mới, nâng tổng số có 51 xã và huyện Tân Hiệp được công nhận huyện nông thôn mới. Tiếp tục mục tiêu đạt chuẩn huyện nông thôn mới vào năm 2020, căn cứ vào tình hình và khả năng của tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát, đánh giá và xây dựng danh mục đầu tư, cân đối phân bổ vốn giai đoạn 2019-2020; trong đó, ngoài tập trung đầu tư các huyện theo kế hoạch là Gò Quao, Vĩnh Thuận; tiếp tục phân đầu thêm các huyện: Giồng Riềng, Kiên Lương.

- Kinh tế tập thể tiếp tục được quan tâm, thành lập mới 53 hợp tác xã, tăng 38 hợp tác xã so với kế hoạch, toàn tỉnh hiện có 400 hợp tác xã, với 48.089 thành viên; tăng cường đầu tư, đổi mới thiết bị công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả hoạt động để phát triển sản xuất kinh doanh; từng bước hình thành liên kết sản xuất giữa các doanh nghiệp với hộ nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ.

2. Sản xuất công nghiệp, xây dựng

Giá trị sản xuất công nghiệp 43.299 tỷ đồng, 94,86% không đạt kế hoạch, tăng 10,63% so với cùng kỳ. Sản xuất công nghiệp còn nhiều khó khăn do thiếu nguyên liệu đầu vào như: Chế biến thủy sản, clinker... nhưng vẫn giữ được đà tăng trưởng, nhiều sản phẩm có mức tăng khá so cùng kỳ³. Nhìn chung, mức sản xuất sản phẩm các ngành công nghiệp năm 2018 đạt khá so cùng kỳ năm trước, nhưng không đều và có một số mặt hàng giảm, làm giá trị sản xuất toàn ngành không đạt kế hoạch đề ra.

Đầu tư các khu công nghiệp được đẩy mạnh, ước tổng giá trị đầu tư vào các khu công nghiệp trong năm 2018 đạt 886,46 tỷ đồng, tăng 1,33 lần so với năm 2017, trong đó: Khu công nghiệp Thạnh Lộc có 23 dự án, giá trị đầu tư 881,43 tỷ đồng với 07 dự án đang hoạt động sản xuất, 04 dự án đang triển khai xây dựng. Khu công nghiệp Thuận Yên giá trị đầu tư đạt 1,027 tỷ đồng, có 03 dự án; với 01 dự án đang hoạt động sản xuất (nhà máy gạch Tuynel).

Thực hiện hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng theo Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, đến nay đã hoàn thành 10.779/11.425 căn, đạt 94,34% kế hoạch. Năm 2018 đã thực hiện 3.417/4.063 căn; đạt 84,1% kế hoạch (xây mới 1.886 căn, sửa chữa 1.531 căn).

³ Sản phẩm công nghiệp có mức tăng khá: Xi măng 5.423.544 tấn, tăng 12,62; nước mắm 54.038 ngàn lít, tăng 6,16%; bia các loại 105.190 ngàn lít, tăng 16,82%, giấy da 12.793 ngàn đôi, tăng 51,15%, gỗ xẻ các loại 143 ngàn m³, tăng 9,16% so cùng kỳ năm 2017...

3. Thương mại – dịch vụ và xuất khẩu

Thương mại và dịch vụ tiếp tục phát triển, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 96.106 tỷ đồng, đạt 100,63% kế hoạch và tăng 11,29% so với cùng kỳ. Thị trường ổn định, hàng hóa phong phú, đa dạng, duy trì triển khai chương trình bình ổn giá, đưa hàng Việt về nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, nhất là trong dịp lễ, Tết, đáp ứng nhu cầu của người dân; từng bước phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

Hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch được đẩy mạnh, nâng cao chất lượng; kết nối giao thương, thu hút đầu tư và quảng bá du lịch được tăng cường; đã thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp tham dự sự kiện, diễn đàn trong và ngoài nước để giới thiệu sản phẩm. Trong năm, đã tổ chức nhiều cuộc Hội nghị, đối thoại trực tiếp, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên địa bàn; ban hành các Chương trình hỗ trợ, xúc tiến đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, hội nhập kinh tế quốc tế; thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại tại: Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Australia, New Zealand, Nhật Bản, Lào, Indonesia, Campuchia... bước đầu đã kết nối với một số đối tác xuất khẩu một số mặt hàng: Thủy sản, nước mắm...

Xuất khẩu có bước khởi sắc, kim ngạch xuất khẩu đạt 640 triệu USD, đạt 123,08% kế hoạch, tăng 35,11% so với cùng kỳ⁴, trong đó xuất khẩu thủy sản tăng nhờ các thị trường truyền thống có nhu cầu trở lại và thêm 01 thị trường mới là Israel. Kim ngạch nhập khẩu 130 triệu USD, đạt 236,36% kế hoạch, tăng 115,16% so với cùng kỳ, các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là máy móc, nguyên liệu phục vụ sản xuất (giày da) và thiết bị casino.

Du lịch phát triển, tổng lượt khách du lịch 7,62 triệu lượt khách, đạt 107,3% kế hoạch, tăng 25,53% so cùng kỳ. Trong đó, số khách quốc tế 580 ngàn lượt khách, đạt 134,88% kế hoạch, tăng 57,52% so với cùng kỳ; ngoài Phú Quốc, một số tuyến du lịch biển đảo như: Quần đảo Nam Du (Kiên Hải), Bà Lụa (Kiên Lương)... tăng khá. Nhìn chung, chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng cao; hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch từng bước được đẩy mạnh; hoạt động lễ hành được quản lý và kiểm soát chặt chẽ, phục vụ tốt nhiều đoàn khách quốc tế. Các dự án quy hoạch phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh tiếp tục được quan tâm đầu tư.

⁴ Trong đó: Hàng nông sản 218 triệu USD, đạt 114,74% kế hoạch, tăng 29,87% so với cùng kỳ; hàng thủy sản 213 triệu USD, đạt 101,4% kế hoạch, tăng 10,19%; hàng giày da 170 triệu USD, đạt 193,18% kế hoạch, tăng 102,8% so cùng kỳ.

4. Giao thông vận tải

Công tác quản lý kết cấu hạ tầng giao thông được quan tâm thực hiện, đáp ứng nhu cầu vận tải phục vụ nhân dân. Thực hiện công bố các quy hoạch phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và xe Taxi giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030; Quy hoạch phát triển giao thông bền vững đảo Phú Quốc, giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Quy hoạch chi tiết xây dựng Cảng Hành khách Rạch Giá; Quy hoạch chi tiết xây dựng đường 3 Tháng 2 nối dài (đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành). Thỏa thuận với Bộ Giao thông vận tải quy hoạch chi tiết xây dựng Cảng khách Hà Tiên (tỷ lệ 1/500) và điều chỉnh Quy hoạch cảng biển Vịnh Đầm; trình phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng cụm Cảng Hà Tiên tỷ lệ 1/2000.

Vận tải hàng hóa được 11,96 triệu tấn, đạt 101,79% kế hoạch và tăng 11,24% so với cùng kỳ; vận chuyển hành khách 85,86 triệu lượt, đạt 102,61% kế hoạch và tăng 12,92% so với cùng kỳ.

Giao thông nông thôn thực hiện xây dựng được 382/382 km, đạt 100% kế hoạch năm; nâng tổng số km đường giao thông nông thôn được nhựa hóa hoặc bê tông hóa của tỉnh 5.582km/7.084 km, đạt 78,79%, góp phần hoàn thành tiêu chí giao thông các xã đạt tiêu chí nông thôn mới.

5. Tình hình đầu tư

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 46.264,78 tỷ đồng, đạt 99,76% kế hoạch và bằng 99,4% so với cùng kỳ. Trong đó, vốn đầu tư phát triển do địa phương quản lý 43.390,38 tỷ đồng, tăng 9,9% so kế hoạch, đạt 98,98% so cùng kỳ; vốn đầu tư địa bàn do Bộ, ngành quản lý đạt 2.874,4 tỷ đồng, bằng 41,69% kế hoạch, tăng 6,38% so cùng kỳ.

Nguồn vốn đầu tư theo kế hoạch đầu tư công được tăng cường chỉ đạo, kiểm tra; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện. Điều chuyển giảm, tăng vốn nội bộ của 17 đơn vị, với tổng vốn là 115.995 đồng; điều chỉnh cắt giảm vốn của 09 đơn vị với tổng vốn là 392.772 triệu đồng, bổ sung cho 13 đơn vị khác với tổng vốn 91.931 triệu đồng. Ước đến ngày 31/12/2018, giá trị khối lượng hoàn thành thực hiện các nguồn vốn đầu tư công năm 2018 là 5.005.978 triệu đồng, đạt 89,1% kế hoạch và giải ngân đến ngày 31/01/2019 là 4.884.286 triệu đồng, đạt 86,12% kế hoạch.

Các dự án từ nguồn vốn các nhà đầu tư được tạo mọi điều kiện thuận lợi triển khai thực hiện; tăng cường kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ đầu tư. Đã thu hút 19 dự án, với vốn đăng ký 12.467,25 tỷ đồng, quy mô 454,5 ha; đồng thời, đã thu hồi 09 dự án do không thực hiện đúng cam kết triển khai. Đến nay toàn tỉnh có 749 dự án, tổng vốn đầu tư 527.314 tỷ đồng, diện tích 35.662,24 ha.

Thành lập mới 1.650 doanh nghiệp, tăng 13,87% so cùng kỳ, với tổng vốn đăng ký 34.497 tỷ đồng, tăng 02 lần so cùng kỳ; giải thể 250 doanh nghiệp, giảm 19,35% so cùng kỳ (*các doanh nghiệp giải thể chủ yếu doanh nghiệp kinh doanh nhỏ, lẻ hoặc kinh doanh không hiệu quả*). Đến nay toàn tỉnh có 8.770 doanh nghiệp đang hoạt động với số vốn là 91.752 tỷ đồng, tổng số lao động trong các doanh nghiệp 94.753 người, thu nhập bình quân 6,5 triệu đồng/tháng.

6. Tài chính – tín dụng

Thực hiện tốt công tác quản lý và khai thác hiệu quả các nguồn thu; ước tổng thu ngân sách năm 2018 là 9.950 tỷ đồng, đạt 107,73% so dự toán, tăng 6,78% so thực hiện năm 2017⁵. Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi, nhất là chi thường xuyên; ước thực hiện chi ngân sách năm 2018 là 13.561,067 tỷ đồng, bằng 94,3% so dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, trong đó ước chi đầu tư phát triển cả năm là 4.884,286 tỷ đồng, đạt 86,12% kế hoạch; đồng thời, đảm bảo nguồn kinh phí chi thực hiện các chính sách an sinh xã hội và nhiệm vụ phát sinh...

Ngành ngân hàng triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp phù hợp với chủ trương, điều hành chính sách tiền tệ, tín dụng và hoạt động ngân hàng theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 của tỉnh. Tổng nguồn vốn hoạt động đạt 84.500 tỷ đồng, tăng 18% so với đầu năm, trong đó: Nguồn vốn huy động tại địa phương là 49.920 tỷ đồng, tăng 14,94% so đầu năm. Ước đến 31/12/2018 doanh số cho vay đạt 150.000 tỷ đồng; dư nợ cho vay ước đạt 68.200 tỷ đồng, tăng 20,47% so với đầu năm; chất lượng tín dụng được kiểm soát, mức lãi suất huy động và cho vay ổn định, tỷ lệ nợ xấu nội bảng còn 0,88% (kế hoạch 0,91%).

7. Lĩnh vực tài nguyên

Công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản được quan tâm; quản lý tài nguyên nước, quản lý tổng hợp về biển đảo từng bước đi vào nề nếp. Chủ động thực hiện các giải pháp phòng, chống, khắc phục thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn, ứng phó với biến đổi khí hậu. Giải quyết thủ tục hành chính, nhất là công tác xử lý hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân từng bước khắc phục được sự chậm trễ, phiền hà cho nhân dân. Đã tiếp nhận 172.747 hồ sơ tăng 3,5 lần so với cùng kỳ, chủ yếu hồ sơ tăng là ở Phú Quốc; xử lý 155.913 hồ sơ, đạt 90,03%; hồ sơ chậm trễ chiếm 10,5%.

⁵ Trong đó, thu nội địa 9.500 tỷ đồng, đạt 104,39% dự toán, tăng 3,93% so thực hiện năm 2017.

II. VỀ VĂN HÓA – XÃ HỘI

1. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- Hệ thống trường, lớp học, trang thiết bị được đầu tư; phương pháp dạy học, kiểm tra, kiểm định đánh giá chất lượng giáo dục được đổi mới; triển khai nhân rộng mô hình trường học mới phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Năm học 2018-2019 có 672 đơn vị trường học, tăng 02 trường so với năm học 2017-2018, trong đó có 237 trường đạt chuẩn quốc gia, tăng 25 trường; 145/145 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học⁶, đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi; có 276 cơ sở giáo dục được công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục, đạt 40,94% tổng số đơn vị, trường học, tăng 81 đơn vị so với cùng kỳ năm 2017⁷. Tổng số phòng học hiện có là 10.644 phòng, tăng 476 phòng so với cùng kỳ. Số học sinh 6-14 tuổi đi học so với độ tuổi đạt 96,06%; tăng 0,06% so với kế hoạch. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2017-2018 đạt 97,88% (tăng 1,36% so với năm học 2016-2017); tỷ lệ huy động học sinh ra lớp tăng, huy động trẻ từ 6-14 tuổi đạt 96,06%, bằng so với năm học trước. Công tác bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi dự thi quốc gia có nhiều đổi mới về hình thức và phương pháp mang lại hiệu quả cao. Tỷ lệ trúng tuyển đại học, cao đẳng đạt 48,94% (có 4.601 thí sinh trúng tuyển/9.400 lượt thí sinh dự thi).

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy tiếp tục được đẩy mạnh; quản lý hồ sơ, quá trình học tập của học sinh, quản lý giáo viên, kế hoạch dạy học được thực hiện ổn định và mang lại hiệu quả cao; đã tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn chuyên môn trực tuyến với 14 huyện, thành phố. Lực lượng làm công tác truyền thông của ngành được kiện toàn, công tác truyền thông về giáo dục được chú trọng, đã phối hợp với cơ quan báo chí, Trung tâm Truyền thông giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác truyền thông.

2. Lĩnh vực y tế

- Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm; chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên; quy tắc giao tiếp ứng xử, đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế đạt một số kết quả tích cực; các giải pháp giảm quá tải bệnh viện cơ bản đã khắc phục, thực hiện tốt đề án bệnh viện vệ tinh⁸. Chủ động triển khai các biện pháp kiểm soát dịch bệnh; tuy có một số bệnh truyền nhiễm tăng so với cùng kỳ⁹ nhưng không để dịch lớn xảy ra. Công tác thanh tra, kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm được quan tâm chỉ đạo¹⁰; trong năm, không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm tập thể. Hoàn thành xây dựng mới và đưa vào sử dụng Khoa Nội B, Bệnh viện Đa khoa tỉnh. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh và các bệnh viện chuyên khoa.

⁶ 12 xã đạt mức độ 2, 133 xã đạt mức độ 3.

⁷ Mầm non: 17, Tiểu học: 38, Trung học cơ sở: 21, Trung học phổ thông: 05.

⁸ Bệnh viện đa khoa tỉnh là Bệnh viện vệ tinh của: Bệnh viện Chợ Rẫy, Bệnh viện Ung bướu Thành phố Hồ Chí Minh và Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Thành phố Hồ Chí Minh.

⁹ Bệnh sốt xuất huyết có 1.643 ca mắc, tử vong 0 ca, so với cùng kỳ tăng 248 ca, tử vong giảm 1 ca; bệnh tay chân miệng có 1.454 ca mắc, không có tử vong, so với cùng kỳ tăng 58 ca.

¹⁰ Thanh, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm 16.283 cơ sở, phát hiện 2.641 cơ sở vi phạm, phạt tiền 67 cơ sở, số tiền phạt 101,4 triệu đồng, số còn lại nhắc nhở. Ghi nhận 187 ca ngộ độc mắc riêng lẻ.

- Ước thực hiện cả năm 2018, giảm tỷ lệ sinh giảm 01% (kế hoạch giảm 0,2 %); tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 3,33 % (kế hoạch 6,85 %); tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng 12,9%, đạt 98,47% kế hoạch; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế toàn dân đạt 84%, tăng 3,48% so với cùng kỳ (đạt 100% kế hoạch).

3. Thực hiện các chính sách xã hội, lao động và việc làm; công tác chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới

- Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, công tác đền ơn đáp nghĩa đối với người có công với cách mạng¹¹. Tổ chức nhiều phiên giao dịch việc làm giải quyết việc làm cho 38.527 lượt người¹², đạt 110,08% kế hoạch; đào tạo nghề cho 26.305 người, đạt 105,22% kế hoạch.

- Công tác chăm sóc nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được quan tâm chỉ đạo, thực hiện kịp thời và đầy đủ¹³. Kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2017, toàn tỉnh còn 26.833 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 6,2%, hộ cận nghèo 20.781 hộ, chiếm tỷ lệ 4,8% (*tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí tiếp cận đa chiều*)¹⁴. Trong năm, thực hiện trợ cấp xã hội cho 48.538 đối tượng với kinh phí 216,9 tỷ đồng; tỷ lệ hộ nghèo năm 2018 ước giảm 1,7%.

- Công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe trẻ em và bình đẳng giới được quan tâm triển khai thực hiện. Tổ chức nhiều hoạt động vui chơi, giải trí, tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Tuyên truyền, giáo dục các chính sách pháp luật về trẻ em, bình đẳng giới và các hoạt động về phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới được tăng cường.

4. Công tác văn hóa và thể thao, thông tin và truyền thông

- Tổ chức thành công các sự kiện lễ hội, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao phục vụ kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị quan trọng. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục phát triển, tập trung thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Hoạt động thể thao quần chúng tiếp tục phát triển; thể thao thành tích cao đạt nhiều kết quả tốt khi tham gia thi đấu 63 giải khu vực, toàn quốc, quốc tế đạt 97 huy chương¹⁵. Tổ chức thành công Đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh, tham gia thi đấu 11 môn thể thao tại Đại hội Thể thao toàn quốc.

¹¹ Tổ chức Lễ phong tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước Mẹ Việt Nam anh hùng đợt VIII/2018 có 74 mẹ (trong đó, phong tặng 02 mẹ; truy tặng 72 mẹ) và Lễ trao tặng 43 Huân chương Độc lập cho các gia đình có nhiều liệt sĩ hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Trao tặng 21.566 suất quà với kinh phí 4 tỷ 490,8 triệu đồng nhân dịp kỷ niệm 71 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ.

¹² Trong đó giải quyết việc làm trong tỉnh 19.825 lượt người, ngoài tỉnh 18.559 lượt người, xuất khẩu lao động 143 người

¹³ Thực hiện trợ cấp xã hội cho 50.200 người, với tổng kinh phí 268.824 triệu đồng; trong đó: Trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng 49.900 người, kinh phí 266.039 triệu đồng; tại cơ sở Bảo trợ xã hội 300 người, kinh phí 2.785 triệu đồng.

¹⁴ Quyết định số 862/QĐ-LĐTBXH ngày 04/7/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2017 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.

¹⁵ Có 27 huy chương vàng, 30 huy chương bạc và 40 huy chương đồng.

- Công tác thông tin, truyền thông đã có gần 70 ngàn tin, bài được đăng, phát trên báo, đài tỉnh, trung ương viết về Kiên Giang, tập trung vào các nhiệm vụ chính trị, phản ánh các sự kiện quan trọng của tỉnh và quảng bá về Kiên Giang. Thực hiện tốt lộ trình số hoá truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất theo đề án của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay, 100% các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh, huyện đã triển khai kết nối mạng nội bộ, Internet và mạng diện rộng của tỉnh; 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện và hơn 70% cấp xã có máy tính sử dụng. Đã triển khai Đề án “Xây dựng triển khai mô hình đô thị thông minh tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2017-2022, định hướng đến năm 2030”. Đề án đô thị thông minh Phú Quốc đã hoàn thành triển khai giai đoạn 01 và đang tiếp tục lập đề án triển khai tại thành phố Rạch Giá và Hà Tiên.

5. Công tác ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ, môi trường

- Theo dõi, quản lý tốt các đề tài, dự án khoa học và công nghệ (cấp quốc gia 03 đề tài; cấp tỉnh 63 đề tài, cấp cơ sở 69 đề tài)¹⁶. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng¹⁷. Triển khai tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp về giải pháp tăng năng suất chất lượng sản phẩm hàng hoá, tăng tính cạnh tranh trên thị trường. Công tác thanh tra, kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng hàng hóa, an toàn bức xạ được thực hiện thường xuyên; qua đó, đã phát hiện, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm, bảo vệ quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng¹⁸. Duy trì, áp dụng và cải tiến tốt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO tại các cơ quan hành chính trong tỉnh.

- Công tác truyền thông về bảo vệ môi trường ngày càng đi vào chiều sâu, tăng cường kiểm soát và xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm môi trường, nhất là tại các khu, cụm công nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh.

6. Công tác dân tộc - tôn giáo

Tình hình kinh tế - đời sống và an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục ổn định, các chính sách dân tộc được quan tâm, tích cực triển khai thực hiện. Triển khai thực hiện tốt các Chương trình y tế quốc gia, chăm sóc sức khỏe, văn hóa, giáo dục, các chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất, hỗ trợ nước sinh hoạt cho vùng đồng bào dân tộc. Tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào tổ chức tốt các lễ hội truyền thống. Tăng cường tuyên truyền vận động các chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo tích cực tham gia phát triển kinh tế, xã hội, giảm nghèo bền vững...

¹⁶ Cấp tỉnh: Tổ chức kiểm tra 28 đề tài, nghiệm thu 09 đề tài (04 xếp loại A, 04 loại B, 01 loại C). Cấp cơ sở: Tổ chức kiểm tra 19 đề tài, nghiệm thu 10 đề tài (03 xếp loại A, 07 loại B)

¹⁷ Hiện nay, tổng số đơn đăng ký sở hữu trí tuệ của tỉnh: 26 đơn đăng ký nhãn hiệu tập thể (cấp giấy chứng nhận 24 nhãn hiệu); 1.430 đơn đăng ký nhãn hàng hóa, kiểu dáng công nghệ, giải pháp hữu ích (có 860 văn bằng được cấp). Cấp phép hoạt động X-quang y tế cho 18 cơ sở,...

¹⁸ Đến nay, đã tổ chức 07 cuộc thanh tra tại 153 cơ sở và 06 dự án; kết quả có 08 cơ sở vi phạm, xử phạt với tổng số tiền 114,89 triệu đồng.

III. QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI

1. Công tác quốc phòng

Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ quốc phòng; duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, chủ động nắm chắc và dự báo tình hình, giải quyết kịp thời các vụ việc phát sinh. Công tác huấn luyện diễn tập được thực hiện khá tốt, diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện hoàn thành theo đúng kế hoạch, công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2018 đạt chỉ tiêu, lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên được sắp xếp biên chế hợp lý, chất lượng được nâng lên. Thực hiện tốt công tác tuần tra kiểm soát, bảo vệ chủ quyền biển đảo và an ninh biên giới trước tình hình hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động.

2. Công tác đảm bảo an ninh, phòng chống tội phạm và giữ gìn an ninh trật tự

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định. Các lực lượng vũ trang duy trì trực sẵn sàng chiến đấu, tăng cường đảm bảo an ninh trật tự, thực hiện tốt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, bảo vệ an toàn các sự kiện chính trị quan trọng và các ngày lễ, kỷ niệm lớn, các đoàn của Trung ương và quốc tế đến tỉnh làm việc.

- Tội phạm về trật tự xã hội xảy ra 977 vụ (giảm 60 vụ so với năm 2017); đã điều tra khám phá 891/977 vụ, đạt 91,2%; bắt xử lý 1.661 đối tượng; trong đó, án nghiêm trọng khám phá 61/62 vụ, đạt 98,39%; triệt xóa 353 tụ điểm cờ bạc, mại dâm, ma túy; tiếp nhận xác minh giải quyết 1.675/1.677 tin báo tố giác tội phạm, đạt 99,88%.

- Tăng cường thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ, trong năm xảy ra 34 vụ cháy, giảm 13 vụ so với năm 2017, ước thiệt hại 13,5 tỷ đồng.

- Tai nạn giao thông giảm so với năm 2017, từ ngày 16/12/2017 đến ngày 15/11/2018, xảy ra 194 vụ (giảm 07 vụ), làm chết 120 người (tăng 22 người), bị thương 126 người (giảm 12 người); nguyên nhân chủ yếu là do ý thức của một số người khi tham gia giao thông không tuân thủ quy định, sử dụng rượu bia, phóng nhanh, vượt ẩu ...

3. Hoạt động đối ngoại

Tăng cường hợp tác, duy trì mối quan hệ hữu nghị, truyền thống láng giềng với các nước như: Thường xuyên trao đổi đoàn, giao lưu hợp tác với các tỉnh, thành phố của Vương quốc Campuchia, qua đó phối hợp giải quyết kịp thời, có hiệu quả các vấn đề nảy sinh trên tuyến biên giới, trên biển; sơ kết 02 năm hợp tác giữa tỉnh Kiên Giang với tỉnh Salavan, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào góp phần làm sâu sắc thêm mối quan hệ hữu nghị và đoàn kết đặc biệt giữa hai dân tộc Việt Nam - Lào; mở rộng mối quan hệ hợp tác quốc tế thông qua việc tổ chức các đoàn: Xúc tiến đầu tư thương mại tại Nhật Bản; trao đổi ký kết hợp tác với Cộng hòa Tatarstan, Liên bang Nga.

Công tác quản lý đoàn ra, đoàn vào tuân thủ các quy trình, thủ tục theo quy định về xuất nhập cảnh.

4. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng và tuyên truyền phổ biến pháp luật.

- Công tác Thanh tra: Toàn ngành Thanh tra của tỉnh đã triển khai 170 cuộc thanh tra (107 cuộc thanh tra hành chính và 63 cuộc thanh tra chuyên ngành), kết thúc 162 cuộc (hành chính 103 cuộc, chuyên ngành 59 cuộc). Qua thanh tra phát hiện số tiền vi phạm 48.290 triệu đồng, kiến nghị thu hồi ngân sách nhà nước 13.061 triệu đồng, đã thu 11.748 triệu đồng/13.061 triệu đồng, đạt 89,95%; 194 kiến nghị chấn chỉnh, quản lý, hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật trên nhiều lĩnh vực; kiểm điểm rút kinh nghiệm 88 tập thể, 232 cá nhân; kiểm điểm có hình thức kỷ luật 37 cá nhân, đã xử lý kỷ luật 23 cá nhân.

- Công tác giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo được quan tâm, kịp thời; công tác đối thoại trong quá trình giải quyết khiếu nại được chú trọng. Đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, chấn chỉnh, tăng cường công tác tiếp dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo; chỉ đạo thành lập các Tổ công tác và cử công chức chuyên môn hỗ trợ các huyện giải quyết khiếu nại, xử lý những khó khăn, vướng mắc trong giải tòa, bồi thường, trong đó có địa bàn huyện Phú Quốc. Trong năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ngành giải quyết được 342/531 đơn khiếu nại, tố cáo, đạt tỷ lệ chung 64,41%; trong đó giải quyết 328/517 đơn khiếu nại, đạt 63,44%¹⁹; giải quyết 14/14 đơn tố cáo đạt 100%.

- Công tác tiếp công dân thường xuyên, định kỳ và đột xuất được tập trung thực hiện tốt; các cấp, các ngành tiếp tục quán triệt, thực hiện Luật Tiếp công dân và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong năm, Chủ tịch UBND tỉnh tiếp công dân được 17 kỳ (*Trong đó, tiếp công dân đột xuất được 05 kỳ, với 383 công dân; đối thoại trước khi ra quyết định giải quyết khiếu nại lần hai 08 kỳ, 29 vụ*), phối hợp tốt với Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh các cơ quan liên quan trong việc tiếp công dân, đối thoại, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định pháp luật; Ban Tiếp công dân và thanh tra các cấp, các ngành tiếp công dân thường xuyên được 3.258 lượt người, 31 lượt đoàn đông người với 342 người (Ban Tiếp công dân tỉnh tiếp thường xuyên được 552 lượt người và 31 lượt đoàn đông người với 342 người); Thủ trưởng các sở, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp dân định kỳ, đột xuất được 220 lượt 628 người.

¹⁹ Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết 46/47 đơn, đạt 97,87%; Giám đốc sở, Thủ trưởng các ngành giải quyết: 06/06, đạt 100%; Chủ tịch UBND cấp huyện giải quyết: 276/464 đơn, đạt 59,48% (trong đó: Phú Quốc giải quyết 137/315 đơn, đạt 43,49%; các huyện còn lại giải quyết 139/149 đơn, đạt 93,59%)

- Công tác phòng chống tham nhũng được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt kết quả khá tích cực; nhất là việc cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo của Trương ương, Chính phủ, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh. Một số vụ việc, vụ án tham nhũng, tiêu cực được phát hiện, xử lý kịp thời, tạo được sự đồng thuận của xã hội.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được quan tâm thực hiện, ban hành 08 văn bản để triển khai tuyên truyền, phổ biến pháp luật; tổ chức Hội nghị triển khai Bộ Luật hình sự, Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015 cho 190 báo cáo viên cấp tỉnh và các sở ngành, triển khai các đạo luật kỳ 01 năm 2018 cho hơn 1.500 đại biểu cấp tỉnh huyện, xã; thực hiện công tác tuyên truyền định kỳ trên Đài phát thanh và truyền hình, Báo Kiên Giang và và đăng tải trên các Cổng, Trang thông tin điện tử Sở ngành và địa phương.

IV. CÔNG TÁC XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN, CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Công tác xây dựng chính quyền

Tổ chức trang trọng Lễ công bố Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập phường Mỹ Đức thuộc thị xã Hà Tiên và thành phố Hà Tiên thuộc tỉnh Kiên Giang (Nghị quyết số 573/NQ-UBTVQH14 ngày 11/9/2018).

Thực hiện có hiệu quả việc tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Nghị quyết số 10/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình hành động số 32-CTr/TU của Tỉnh ủy; cấp tỉnh đã có 08 Sở, ngành thực hiện xong sắp xếp, tinh gọn bộ máy²⁰; đối với cấp huyện: Giải thể 11 Phòng Dân tộc và 13 Phòng Y tế (giảm 24/189 phòng chuyên môn); có 02/15 đơn vị (Phú Quốc, Hà Tiên) thí điểm nhất thể hóa chức danh Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân; 02/15 đơn vị có Trưởng Ban tổ chức kiêm Trưởng phòng Nội vụ (U Minh Thượng, Vĩnh Thuận); 3/15 đơn vị bố trí Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra kiêm Chánh thanh tra (U Minh Thượng, An Minh, Hà Tiên); cấp xã, có 21/145 đơn vị nhất thể hóa chức danh Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

²⁰ Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Ngoại vụ, Tài chính, Tư pháp, Xây dựng, Giao thông vận tải, Thanh tra.

Về tổ chức thực hiện việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và Chương trình số 38-CTr/TU của Tỉnh ủy, đến nay đã sáp nhập 11 Bệnh viện, 15 Trung tâm Y tế và 15 Trung tâm Dân số Kế hoạch hóa gia đình thành 15 Trung tâm Y tế cấp huyện (giảm 26 đơn vị); 03 Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng trên cơ sở tổ chức lại 08 Ban Quản lý thuộc các sở, ngành; sáp nhập 02 Trường Cao đẳng thành Trường Cao đẳng Kiên Giang (giảm 01 đầu mối); sáp nhập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên huyện Tân Hiệp vào Trường Trung cấp Nghề Tân Hiệp. Trình Thủ tướng Chính phủ chuyển 06 đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, theo Quyết định số 31/2017/QĐ-TTg ngày 17/7/2017...

Xúc tiến hoàn thành các điều kiện thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, theo dõi đôn đốc thành lập Chi cục Hải quan Rạch Giá.

Nhằm tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu quả công tác, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quy chế quy định trách nhiệm, nội dung phối hợp giữa các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc tham mưu cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện phát triển kinh tế - xã hội theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Cải cách hành chính

- Công tác Cải cách hành chính được quan tâm thực hiện, ban hành các văn bản để tổ chức triển khai nhiệm vụ²¹; công tác kiểm tra, giám sát thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính được quan tâm, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những thiếu sót trong quá trình thực hiện.

- Hệ thống Một cửa điện tử liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã²², tiếp nhận và xử lý trên hệ thống 75.000 hồ sơ, trong đó các cơ quan cấp tỉnh tiếp nhận khoảng 5.000 hồ sơ, cấp huyện hơn 70.000 hồ sơ. Công dịch vụ công của tỉnh đã cung cấp 2.036 dịch vụ công trực tuyến, có 1.044 mức độ 1 và 2, 330 mức độ 3 và 290 mức độ 4.

- Hội nghị, họp trực tuyến sử dụng phổ biến. Tổ chức 68 cuộc Hội nghị, họp trong tỉnh với 28.966 lượt đại biểu, 25 cuộc Hội nghị trực tuyến Trung ương với 4.835 lượt đại biểu; đã tổ chức họp giao ban trực tuyến từ cấp huyện đến cấp xã tại các huyện: Giang Thành, An Minh và Vĩnh Thuận.

²¹ Kế hoạch số 170/KH-UBND ngày 08/12/2017 về công tác CCHC năm 2018 và 07 Kế hoạch.

²² Gồm 21 sở ban ngành, 15 huyện, thị xã, thành phố và 26 xã phường, thị trấn các huyện An Biên, Phú Quốc, Hà Tiên

- Chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh tăng điểm nhưng bị sụt giảm từ hạng 11/63 tỉnh, thành phố năm 2015 xuống hạng 20/63 tỉnh, thành phố năm 2017, Chỉ số cải cách hành chính tăng chậm và thuộc nhóm các tỉnh có chỉ số trung bình, Chỉ số hài lòng của người dân về quản trị và hành chính công xếp nhóm trung bình thấp so các tỉnh, thành phố.

NHẬN XÉT CHUNG

Thực hiện nhiệm vụ năm 2018, bên cạnh những thuận lợi, tình hình trong tỉnh cũng còn nhiều yếu tố gây khó khăn, bất lợi; nhưng nhờ có sự phấn đấu của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh nên tình hình tiếp tục chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả quan trọng, toàn diện trên các lĩnh vực. Kinh tế tăng trưởng vượt kế hoạch, nhiều chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch so với cùng kỳ. Sản lượng lúa vượt 12.809 tấn, năng suất lúa tăng 0,04 tấn/ha, sản lượng tôm nuôi vượt 4.390 tấn so kế hoạch; số xã nông thôn mới đạt kế hoạch; dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và thủy sản được kiểm soát chặt chẽ; đã xây dựng được nhiều mô hình sản xuất hiệu quả, xây dựng nhiều cánh đồng lớn gắn với bao tiêu sản phẩm. Xuất khẩu tăng cao so với kế hoạch như: Giày da, gạo. Cải cách hành chính, môi trường kinh doanh, thu hút vốn đầu tư gần đạt kế hoạch. Thị trường bình ổn, nguồn hàng hóa trên địa bàn tỉnh khá dồi dào, phong phú đáp ứng nhu cầu tiêu dùng; một số mặt hàng tiêu dùng và dịch vụ tuy có tăng nhưng không đột biến, không làm ảnh hưởng đến sức mua cao của nhân dân. Lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện, nâng lên.

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội trong năm còn một số khó khăn như:

Do tình hình thời tiết năm nay diễn biến phức tạp, xâm nhập mặn sâu, mưa giông liên tục kéo dài, lũ lụt ở mức cao làm 08 phương tiện bị chìm, 02 người chết, 07 người bị thương, sập 232 căn nhà, tốc mái 371 căn nhà; ước thiệt hại về vật chất là 8,82 tỷ đồng; dịch bệnh trên tôm làm thiệt hại 7.725ha và thiệt hại 1.018 ha lúa do mưa giông liên tục kéo dài gây ngập úng. Việc thực hiện Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 13/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp vẫn còn nhiều hạn chế, trách nhiệm chưa cao của các sở ngành, địa phương; tình trạng tàu cá Kiên Giang vi phạm vùng biển nước ngoài, khai thác hải sản trái phép vẫn còn xảy ra. Mô hình liên kết sản xuất gắn với bao tiêu sản phẩm phát triển chậm so với nhu cầu của người dân.

Về xây dựng cơ bản: Mặc dù đã chỉ đạo quyết liệt; đã tổ chức làm việc, cho ý kiến xử lý đối với các Sở, ngành và đơn vị giải ngân thấp, nhưng do yếu kém của một số chủ đầu tư nên đến cuối năm chỉ đạt 86,12% (thấp hơn 8,88% so với kế hoạch). Phát triển du lịch tăng trưởng chủ yếu tại các khu trọng điểm (Phú Quốc, Nam Du – Kiên Hải), kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển du lịch các vùng còn lại còn yếu kém, nhất là các điểm du lịch Nam Du – Kiên Hải; Bình An, Ba Hòn – Kiên Lương;... nhiều dự án đầu tư triển khai chậm hoặc chưa triển khai; ô nhiễm môi trường, rác thải và nước thải chưa được xử lý ảnh hưởng nhiều đến chất lượng du lịch.

Tình hình triển khai đầu tư tại các khu công nghiệp chậm; mặc dù tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp tăng so cùng kỳ nhưng giá trị sản xuất chưa đạt kế hoạch đề ra; năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong tỉnh còn yếu nhất là lĩnh vực xay xát gạo và chế biến thủy sản. Trong từng thời điểm thiếu nguyên liệu cho chế biến thủy sản và clinker trong sản xuất xi măng. Thực hiện việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm khai thác (IUU) còn nhiều bất cập, hàm lượng giá trị gia tăng trong sản phẩm thấp. Việc xử lý ô nhiễm môi trường từng lúc chưa được quan tâm đúng mức, nhất là rác thải sinh hoạt ở khu dân cư nông thôn, khu, điểm du lịch. Công tác quản lý đô thị tại một số địa phương chưa thực hiện chặt chẽ. Nhiều dự án được cấp chủ trương đầu tư nhưng số dự án được triển khai còn rất ít là do công tác thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư mất rất nhiều thời gian, công tác bàn giao đất ngoài thực địa còn gặp nhiều khó khăn.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội cũng còn một số mặt hạn chế như: Công tác đầu tư và sửa chữa trường, lớp ở một số địa phương còn chậm; việc khắc phục tình trạng thiếu giáo viên mầm non còn gặp khó khăn. Tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường, luôn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát dịch; nhất là sốt xuất huyết và tay chân miệng. Việc bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm ở một số địa phương chưa thực hiện tốt. Đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa ở cơ sở chậm, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa cơ sở chưa cao.

Nguyên nhân những hạn chế, yếu kém nêu trên, có nguyên nhân khách quan tác động như: Tình hình thời tiết, khí tượng thủy văn tiếp tục diễn biến phức tạp không theo quy luật và dự báo ban đầu, nhu cầu về đầu tư xây dựng lớn nhưng nguồn lực còn hạn chế... Nhưng nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu, đó là do sự phối hợp giữa các cấp, các ngành đôi lúc chưa chặt chẽ, lãnh đạo một số sở, ngành, địa phương từng lúc thiếu quyết liệt trong xử lý, giải quyết một số vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền, quy trình xử lý từng lúc chưa thực sự nghiêm túc, tinh thần trách nhiệm của một số công chức, viên chức trong thực thi công vụ chưa cao dẫn đến hiệu quả công việc chưa đạt yêu cầu.

Phần thứ hai
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2019

Theo dự báo, triển vọng kinh tế cả nước năm 2019 môi trường kinh tế vĩ mô ổn định hơn, cải cách môi trường đầu tư kinh doanh được củng cố, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế tạo điều kiện mở rộng thị trường, tiếp cận trình độ khoa học công nghệ mang lại nhiều cơ hội thu hút các nguồn lực từ nước ngoài. Tuy nhiên, cũng mang lại nhiều thách thức như trình độ công nghệ thấp, tài nguyên đang dần bị suy giảm trong khi năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế tuy có chuyển biến nhưng chưa thực sự đột phá, đồng thời lộ trình thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế đã ký, nhất là các cam kết về mở cửa thị trường, cắt giảm thuế, sở hữu trí tuệ..., cũng là áp lực đối với khu vực kinh tế trong nước.

Trong tình, tăng trưởng kinh tế vẫn giữ đà ổn định từ lợi thế phát triển mạnh ngành du lịch; nhiều dự án đầu tư có quy mô lớn được thu hút, triển khai đưa vào khai thác hoạt động; ngành nông, lâm, thủy sản tiếp tục đẩy mạnh nuôi trồng, sản xuất theo hướng tập trung khai thác các lợi thế của các tiểu vùng sinh thái, các vùng chuyên canh, trọng điểm gắn với thị trường tiêu thụ. Tuy nhiên, bên cạnh đó sản xuất công nghiệp cũng còn nhiều khó khăn do hạ tầng giao thông còn hạn chế, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp còn thấp, chưa đáp ứng điều kiện tham gia sâu rộng, hạn chế việc đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu; tình trạng biến đổi khí hậu, dịch bệnh diễn biến bất thường; an ninh trên biển, ngoại biên biên giới, khiếu kiện còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp.

I. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2019

1. Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm ổn định kinh tế - xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với chú trọng cải thiện tăng trưởng theo hướng chất lượng, hiệu quả, nâng cao năng suất lao động và tăng cường năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp. Tiếp tục thực hiện các chính sách về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng; bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, chủ động phòng chống thiên tai, giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, đảm bảo an ninh và trật tự an toàn xã hội.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế 7,8% so với năm 2018 (tổng sản phẩm GRDP đạt 67.200 tỷ đồng); thu nhập bình quân đầu người đạt 2.181 USD.

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp 4,07%; tổng sản lượng lúa đạt 4,3 triệu tấn.

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất thủy sản 7,62%; sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản 834.000 tấn, trong đó sản lượng tôm nuôi 76.000 tấn.

- Tốc độ tăng giá trị giá trị sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp 9,2%.

- Kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn 680 triệu USD, kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn 60 triệu USD.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 108.200 tỷ đồng.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn 10.440 tỷ đồng.

- Tổng chi ngân sách 15.081 tỷ đồng, trong đó chi đầu tư phát triển 5.533 tỷ đồng.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 48.084 tỷ đồng.

- Tỷ lệ nhựa hóa hoặc bê tông hóa đường giao thông nông thôn ấp và liên ấp 83,4%.

- Phần đầu có thêm 12 xã đạt 19 tiêu chí xã nông thôn mới, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới 63/118 xã.

- Giảm tỷ lệ sinh 0,2‰; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 5‰.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng 12,6%.

- Tỷ lệ huy động học sinh từ 6-14 tuổi đến trường đạt trên 96%.

- Số người được giải quyết việc làm từ 35.000 lượt người trở lên.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 64%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề có bằng cấp, chứng chỉ đạt 49%.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 1-1,5%.

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 88%; tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 86,9%.

- Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch đạt 86,2%, tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 96,79%.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia đạt 99,2%.

- Công tác tuyển quân đạt 100%.

- Số vụ tai nạn giao thông giảm so năm 2018.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để thực hiện mục tiêu tổng quát và phân đầu tăng trưởng kinh tế đạt kế hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành, các địa phương tập trung chỉ đạo quyết liệt, khắc phục khó khăn và tổ chức thực hiện những nhiệm vụ và giải pháp như sau:

1. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, nhất là các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế

- Tiếp tục rà soát lại các quy hoạch của ngành để điều chỉnh phù hợp theo từng tiểu vùng sinh thái, tiếp tục xây dựng các vùng chuyên canh, trọng điểm sản xuất nông nghiệp hàng hóa và lộ trình thực hiện sản phẩm chủ lực, tăng cường thực hiện các chính sách khuyến khích đầu tư nông nghiệp công nghệ cao, nông thôn. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp, tham gia nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ cao. Phân đầu nâng tỷ lệ sản xuất lúa chất lượng cao đạt trên 80% tổng diện tích gieo trồng. Đẩy mạnh sản xuất rau màu đặc biệt là rau sạch ở các vùng ven đô thị, khu du lịch như Rạch Giá, Phú Quốc, Hà Tiên, Châu Thành và phát triển cây công nghiệp. Phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, trang trại, gia trại ngoài khu dân cư; khuyến khích ứng dụng kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, khép kín, nâng cao năng suất, giảm chi phí. Tiếp tục triển khai Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang về Quy định tạm thời về quản lý nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh; thực hiện tốt công tác giám sát dịch bệnh. Phát triển giống gia súc, gia cầm và giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn; nuôi tôm công nghiệp và bán công nghiệp vùng Tứ Giác Long Xuyên; phát triển hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh Kiên Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng chống chặt phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái phép. Đẩy mạnh trồng mới rừng phòng hộ ven biển, giữ ổn định diện tích rừng đặc dụng trong Vườn Quốc gia Phú Quốc, U Minh Thượng, khu vực Hòn Chông – Kiên Lương; gắn với triển khai thực hiện dự án nâng cấp đê biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu; tỷ lệ che phủ rừng đạt 10,96%. Phát triển rừng sản xuất làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ.

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch hành động Quốc gia nhằm ngăn chặn, giảm thiểu và loại bỏ khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định. Tiếp tục khuyến khích phát triển và đẩy mạnh đánh bắt xa bờ, hướng dẫn ngư dân tổ chức khai thác theo tổ, đội để hỗ trợ nhau trong sản xuất. Tăng cường kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp khai thác, đánh bắt thủy sản trái phép đảm bảo an ninh trên biển. Nâng cao nhận thức của ngư dân trong việc chấp hành các quy định của Chính phủ Việt Nam về quản lý nghề cá và luật pháp quốc tế khi tham gia đánh bắt hải sản, tháo gỡ khó khăn vướng mắc hỗ trợ doanh nghiệp, thực hiện tốt quy trình chứng nhận sản phẩm thủy sản khai thác trong nước không vi phạm về khai thác bất hợp pháp.

- Tập trung đầu tư hệ thống đê biển và các công ven biển nhằm kiểm soát xâm nhập mặn và điều tiết mặn, ngọt phục vụ sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản; đầu tư nâng cấp, mở rộng các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão, như: Tắc Cậu, An Thới, Gành Dầu; Thỏ Châu, Sông Cái Lớn - Cái Bé; An Biên - An Minh; Cà Lang, Đập Đá, Tà Niên, T3-Hoà Điền, Vàm Bà Lịch và các dự án thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản An Biên - An Minh, Bình Trị, huyện Kiên Lương; hệ thống các công trình cấp nước nông thôn, tập trung địa bàn các xã xây dựng nông thôn mới, vùng ven biển, đảo, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản thâm canh và công nghệ cao. Chuyển dần diện tích nuôi trồng thủy sản quảng canh sang bán thâm canh, thâm canh quy mô công nghiệp ở những nơi có điều kiện thuận lợi, hướng tới sản xuất nông sản theo tiêu chuẩn VietGAP và các tiêu chuẩn quốc tế theo nhu cầu của thị trường, phát triển các hình thức liên kết theo chuỗi. Đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản nước mặn ven biển như cá lồng bè, nhuyễn thể 02 mảnh vỏ, mô hình tôm cào xanh xen tôm sú và tôm-qua kết hợp ở các địa phương.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, ưu tiên đầu tư xây dựng phát triển sản xuất cho các xã gần đạt 19 tiêu chí của các địa phương đã đăng ký như: Tiêu chí về trường học, giao thông nông thôn, môi trường, cơ sở vật chất văn hóa, hộ nghèo. Chú trọng xem xét đầu tư cho các huyện chưa có xã đạt nông thôn mới.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động và phát triển các tổ hợp tác, hợp tác xã và kinh tế trang trại trong sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh đổi mới và phát triển các hợp tác xã nông nghiệp theo hướng chú trọng hơn tới việc tổ chức nông dân sản xuất nông sản hàng hóa quy mô lớn, chất lượng, gắn chế biến với tiêu thụ.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp chế biến xuất khẩu tỉnh Kiên Giang đến năm 2020. Triển khai thực hiện điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp tỉnh Kiên Giang đến năm 2025, có xét đến năm 2030 và điều chỉnh quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020, có xét đến năm 2025.

- Phát triển sản xuất công nghiệp có lợi thế gắn với đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu và nâng sức cạnh tranh trên thị trường. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng các ngành chế biến nông sản, thủy sản; ngành công nghiệp chế tạo và giảm tỷ trọng gia công. Tiếp tục quan tâm thu hút, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp: Thạnh Lộc, Thuận Yên, Xẻo Rô, Vĩnh Hòa Hưng Nam, Hà Giang, Đông Bắc Vĩnh Hiệp,... Thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc, ưu tiên sử dụng công nghệ cao, thân thiện môi trường, tiềm năng đóng góp, gắn với phát triển công nghiệp hỗ trợ. Thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp ký kết hợp đồng lao động với sản giao dịch việc làm; tổ chức các lớp tuyên truyền tác phong làm việc cho các công nhân lao động phổ thông đang làm việc tại các doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Triển khai thực hiện Quy chế hỗ trợ Chương trình xúc tiến thương mại, du lịch và đầu tư trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; phối hợp với các ngành liên quan đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu gắn với xây dựng thương hiệu hàng Việt Nam. Đổi mới phương thức, nâng cao hiệu quả xúc tiến thương mại, tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu. Tiếp tục thực hiện Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Xây dựng Kế hoạch đưa hàng hóa phục vụ nhân dân vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo trước Tết Nguyên đán. Thực hiện tốt công tác quản lý thị trường, giá cả, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại. Tham gia kết nối cung cầu với các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long và với Thành phố Hồ Chí Minh. Tăng cường mở rộng, đa dạng hoá thị trường xuất khẩu đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh như: Lúa, gạo, hải sản, tiêu,...; tập trung khai thác tốt các thị trường truyền thống, gắn với phát triển các thị trường mới. Triển khai thủ tục thành lập Chi cục Hải quan thành phố Rạch Giá và đưa vào hoạt động nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục thông quan tại thành phố Rạch Giá.

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành và tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển du lịch, nhất là quy hoạch chi tiết ở các khu, điểm, tuyến du lịch ở các vùng du lịch trọng điểm. Tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá về du lịch thông qua các đơn vị kinh doanh du lịch ^{lữ hành} hành, các cơ quan truyền thông trong và ngoài nước. Tập trung huy động mọi nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ, chú trọng vùng du lịch trọng điểm. Triển khai thực hiện đề án phát triển sản phẩm du lịch và nguồn nhân lực du lịch, triển khai thí điểm các tuyến tham quan du lịch tại Vườn Quốc gia Phú Quốc và U Minh Thượng.

- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm tạo môi trường thuận lợi và thu hút các nhà đầu tư có năng lực và kinh nghiệm đầu tư vào lĩnh vực du lịch để phát triển du lịch từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Tăng cường đào tạo; nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, hướng dẫn viên du lịch, đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch. Tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh, dịch vụ du lịch; đảm bảo trật tự, an ninh và an toàn cho khách du lịch; nâng cao nhận thức của cộng đồng trong bảo vệ tài nguyên, môi trường biển. Phần đầu năm 2019 đón 8,3 triệu lượt khách tham quan du lịch, tăng 9,2% so cùng kỳ, trong đó khách đến các đơn vị kinh doanh du lịch 6,6 triệu lượt khách, tăng 11,86% so cùng kỳ (riêng khách quốc tế đạt 640 ngàn lượt khách, tăng 25,5% so cùng kỳ); tổng doanh thu đạt 6.840 tỷ đồng, tăng 10,41% so cùng kỳ.

- Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ, nâng cao chất lượng vận tải đường bộ, đường thủy và đường hàng không. Tăng cường quản lý nhà nước đối với chất lượng các phương tiện, dịch vụ vận tải, đảm bảo an toàn giao thông. Phần đầu chỉ tiêu sản lượng vận tải dự kiến vận tải hàng hóa tăng 7,71% và vận tải hành khách tăng 8,53% so với năm 2018.

2. Tiếp tục thực hiện các biện pháp tạo môi trường, động lực bảo đảm ổn định và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh

- Thực hiện điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, bảo đảm hệ thống ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả. Tăng cường kiểm soát lạm phát, tỷ giá USD và giá vàng; duy trì ổn định lãi suất huy động; nâng cao chất lượng tín dụng theo hướng ưu tiên cho vay phục vụ sản xuất, kinh doanh, cho vay nông nghiệp nông thôn, sản xuất xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tiếp tục thực hiện các giải pháp cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn liền với xử lý nợ xấu. Tăng cường đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, giám sát ngân hàng.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước; tăng cường công tác quản lý và khai thác hiệu quả các nguồn thu, chống thất thu, nợ đọng thuế. Tiếp tục triển khai thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến các Luật thuế mới, chính sách thuế mới được sửa đổi, bổ sung như: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Giá trị gia tăng, Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế,... Tăng cường công tác thanh tra, phát hiện và xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi trốn thuế, gây thất thu thuế. Thực hiện chi ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả. Tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển; rà soát cắt giảm những khoản chi thường xuyên không thực sự cần thiết, đảm bảo chi cho con người, an sinh xã hội và chi cho quốc phòng an ninh.

- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp được hưởng chính sách theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Đơn giản hóa, bãi bỏ các thủ tục hành chính không còn phù hợp, tiếp tục bảo đảm cắt giảm tối thiểu 10% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính. Củng cố, duy trì các kết quả đạt được trong các lĩnh vực trong đăng ký kinh doanh; thời gian giải quyết thủ tục phá sản doanh nghiệp xuống còn 24 tháng; tạo lập hệ thống hỗ trợ khởi nghiệp, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, ổn định, tự do sáng tạo cho doanh nghiệp khởi nghiệp. Thực hiện tốt Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và các văn bản hướng dẫn thi hành luật. Đăng tải danh sách doanh nghiệp đã và đang giải quyết thủ tục phá sản trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Đẩy mạnh xây dựng đô thị thông minh và chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang.

- Đơn giản thủ tục và rút ngắn thời gian xin cấp phép xây dựng; thông quan hàng hoá qua biên giới đối với hàng hoá nhập khẩu; tiếp cận điện năng, thời gian nộp thuế. Tiếp tục thực hiện Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý đấu thầu xây dựng.



3. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, rủi ro biến đổi khí hậu hướng đến tăng trưởng xanh và phát triển bền vững

- Tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng đất đai theo quy hoạch; thực hiện các dự án điều tra, dự án xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai, thực hiện giao, thuê đất, thẩm định phương án giá, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định; tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2016-2020; quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030; tăng cường công tác kiểm tra các doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực khai thác khoáng sản sau khi cấp phép; tập trung hoàn thành dự án “Điều tra, đánh giá tài nguyên nước và lập Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2017 – 2027, tầm nhìn đến năm 2037”. Ứng dụng công nghệ bảo vệ môi trường trong sản xuất; khuyến khích các doanh nghiệp tiếp tục đổi công nghệ sản xuất theo hướng hiện đại, thân thiện với môi trường; khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo giảm tác động biến đổi khí hậu. Tăng cường kiểm soát và xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm môi trường, nhất là tại các khu, cụm công nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng đối với việc khai thác và sử dụng tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường biển, hải đảo; quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước ngầm; chủ động phòng ngừa những diễn biến phức tạp về biến đổi khí hậu như hạn hán, xâm nhập mặn, lũ lụt. Triển khai lồng ghép các mục tiêu tăng trưởng xanh trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các ngành và cấp huyện; quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển giai đoạn 2014-2020. Phân vùng chức năng khai thác, sử dụng vùng biển và ven biển, đảo tỉnh Kiên Giang.

- Tiếp tục thực hiện các chương trình biến đổi khí hậu thông qua triển khai nhanh và hiệu quả các dự án bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển Hòn Đất – Kiên Hà; công trình kiểm soát mặn ven biển Tây trên địa bàn thành phố Rạch Giá, huyện: Châu Thành và Kiên Lương.

4. Phát triển văn hóa – xã hội và bảo đảm an sinh xã hội; khoa học và công nghệ và thông tin truyền thông

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp, hoàn thành quy hoạch mạng lưới trường lớp học ngành giáo dục đào tạo tầm nhìn đến năm 2030. Tập trung thực hiện đúng tiến độ, đạt hiệu quả các Chương trình, Kế hoạch, Dự án của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tập trung nguồn lực thực hiện đạt hiệu quả 06 đề án của ngành giáo dục đào tạo đã phê duyệt.

- Tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Chủ động phòng chống dịch bệnh, kịp thời khống chế không để các dịch bệnh xảy ra trên diện rộng. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và y đức của cán bộ y tế từ tuyến tỉnh đến cơ sở; tập trung thực hiện các giải pháp khắc phục nhanh tình trạng quá tải bệnh viện, nâng cao sự hài lòng của người bệnh. Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế, nhân lực cho các địa phương vùng sâu, vùng xa, xã biên giới, hải đảo, xã nông thôn mới. Tăng cường đào tạo và thu hút nhân lực y tế chuẩn bị cho các bệnh viện mới đi vào hoạt động. Quan tâm chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; nâng cao chất lượng các hoạt động công tác dân số kế hoạch hóa gia đình. Tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra về an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Nâng cao nhận thức cho các tầng lớp xã hội và nhân dân về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của hoạt động văn hóa, thể thao và gia đình trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội; tuyên truyền giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống, nếp sống văn hóa. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; thực hiện đầy đủ chế độ, các chính sách đã ban hành đối với người có công với cách mạng; chính sách trợ giúp xã hội, chính sách ưu đãi đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội, nhất là chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có công, hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo. Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, quan tâm đầu tư vùng đặc biệt khó khăn; nhân rộng các mô hình giảm nghèo đã và đang thực hiện có hiệu quả ở các địa phương nhằm đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, hạn chế tái nghèo.

- Thực hiện tốt các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; đảm bảo sự bình đẳng của phụ nữ trong tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội và gia đình. Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xử lý nghiêm những vụ bạo lực, xâm hại trẻ em. Chú trọng thực hiện tốt các chính sách chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật.

- Nâng cao chất lượng công tác dự báo và thông tin về thị trường lao động, gắn kết chặt chẽ trong công tác đào tạo và giải quyết việc làm cho người lao động. Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ tạo việc làm, xuất khẩu lao động cho nhóm lao động yếu thế, nhất là lao động thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, lao động là người dân tộc thiểu số, thanh niên nông thôn.

- Tăng cường công tác quản lý người nghiện và cai nghiện ma túy; nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện phục hồi, quản lý sau cai nghiện.

- Triển khai thực hiện việc lồng ghép các chỉ tiêu, mục tiêu phát triển thanh niên trong chương trình, kế hoạch kinh tế - xã hội; phản ánh đúng thực trạng, nhu cầu của thanh niên để làm cơ sở tham mưu, đề xuất và hoạch định chính sách, pháp luật đối với thanh niên trong tình hình mới.

- Thực hiện tốt chính sách tôn giáo góp phần tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Nghiên cứu phát triển khoa học và công nghệ, chuyển giao có hiệu quả ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp. Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu đổi mới quản lý, đổi mới công nghệ. Chú trọng công tác bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm đặc trưng chủ lực của tỉnh.

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền các sự kiện thời sự, chính trị, kinh tế, xã hội trong nước, ngoài nước và của địa phương; chủ động rà soát, nắm thông tin nhằm chấn chỉnh và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, góp phần định hướng dư luận và tạo sự đồng thuận xã hội; triển khai thực hiện đề án quảng bá tỉnh Kiên Giang; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phát triển chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang, nâng cấp và phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, các hệ thống thông tin.

5. Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, đẩy mạnh công tác đối ngoại và cải cách hành chính

- Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quốc phòng, các lực lượng chức năng theo dõi, nắm, nghiên cứu, dự báo, đánh giá đúng tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, nhất là các địa bàn trọng điểm, tuyến biên giới, vùng biển, đảo; duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, thực hiện tốt công tác phối hợp bảo đảm an ninh, tuần tra, bảo vệ vùng biển, tuyến biên giới. Hoàn thành chỉ tiêu giao quân năm 2019.

- Phòng ngừa, ngăn chặn có hiệu quả các âm mưu, hoạt động chống phá Đảng, nhà nước của các thế lực thù địch. Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, phòng chống tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, tội phạm kinh tế, ma túy, tham nhũng, môi trường, tội phạm sử dụng công nghệ cao và các loại tệ nạn xã hội; thực hiện đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh; tăng cường phòng chống buôn lậu trên tuyến biên giới, trên đất liền, trên biển.

- Tiếp tục triển khai quán triệt, thực hiện tốt các quy định của pháp luật về tiếp công dân, nhất là tăng cường đối thoại; tập trung giải quyết có hiệu quả các vụ việc khiếu nại của công dân, nhất là các vụ việc còn tồn đọng; chủ động xây dựng kế hoạch, đề ra các biện pháp vận động, tuyên truyền nhằm ngăn ngừa và hạn chế thấp nhất các vụ việc đông người.

- Thực hiện quyết liệt các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh, tiếp tục phấn đấu giảm tai nạn giao thông trên cả 03 tiêu chí; tăng cường phòng, chống cháy nổ, sẵn sàng ứng phó kịp thời, xử lý hiệu quả các sự cố thiên tai và cứu hộ, cứu nạn.

- Kiểm soát, xử lý tranh chấp, vi phạm ngư trường, có biện pháp ngăn chặn tàu thuyền nước ngoài xâm nhập vùng biển nước ta và tàu thuyền ngư dân ta sang vùng biển nước ngoài khai thác hải sản trái phép. Triển khai công tác xây dựng các công trình cột mốc mới được xác định và xây dựng các cột mốc phụ khi có hướng dẫn của trên đảm bảo đúng quy trình thiết kế kỹ thuật chất lượng để đẩy nhanh tiến độ.

- Tiếp tục mở rộng và tăng cường quan hệ với các đối tác trong khu vực và quốc tế; đẩy mạnh quảng bá tiềm năng, thế mạnh của địa phương, thu hút đầu tư phát triển. Tiếp tục duy trì tốt quan hệ với chính quyền, lực lượng vũ trang các tỉnh giáp biên thuộc Vương Quốc Campuchia, nhất là việc thực hiện các thỏa thuận đã được ký kết.

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính; trong đó, tập trung cải thiện và nâng cao các chỉ số: Cải cách hành chính (PAR INDEX); hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI); năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) giai đoạn 2017-2020; đưa Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh đi vào hoạt động.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019. / *Ng*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (A và B);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- CVNC;
- Lưu: VT, SKHĐT (30b), pxquyet.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng

KẾT QUẢ THỰC HIỆN
các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2018 và kế hoạch năm 2019

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Ước thực hiện năm 2018	So sánh với kế hoạch	Đánh giá	Kế hoạch năm 2019
1. Tốc độ tăng trưởng GRDP (Giá SS 2010)	%	Từ 7,5 trở lên	7,51		Đạt	7,8
Trong đó: Giá trị gia tăng GRDP	Tỷ đồng	61.905,82	62.335,76	100,69		67.200
- Thu nhập bình quân đầu người (GRDP)	USD	1.970	2.094	106,29		2.181
2. Tốc độ tăng GTSX ngành nông nghiệp (Giá SS 2010)	%	1,78	3,38		Vượt	4,07
- Tổng sản lượng lúa	Triệu tấn	4,25	4,26	100,24		4,3
3. Tốc độ tăng GTSX ngành thủy sản	%	7,87	9,58		Vượt	7,62
- Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	784.000	815.423	104,01		834.000
+ Khai thác	Tấn	554.000	589.535	106,41		591.000
+ Nuôi trồng	Tấn	230.000	225.888	98,21		243.000
Trong đó: Tôm nuôi	Tấn	69.000	73.390	106,36		76.000
4. Tốc độ tăng GTSX công nghiệp	%	9,2	10,63		Vượt	9,2
GTSX ngành công nghiệp (Giá SS 2010)	Tỷ đồng	45.644	43.299	94,86		47.282,5
5. Kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	520	640	123,08		680
- Kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn	Triệu USD	50	130	260,0		60
6. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ	Tỷ đồng	95.500	96.106	100,63		108.200
- Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ	%	13,6	11,47			14,2
7. Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	9.236	9.950	107,73		10.440
8. Tổng chi ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	14.380,962	13.561,07	94,3	Đạt	15.081
Trong đó: Chi đầu tư phát triển	Tỷ đồng	5.671,6	4.884,29	86,1		5.533
9. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	46.374,96	46.264,78	99,76	Gần đạt	48.084
10. Tỷ lệ nhựa hóa hoặc bê tông hóa đường giao thông nông thôn áp và liên ấp	%	76	78,79		Vượt	83,4



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Ước thực hiện năm 2018	Số sánh với kế hoạch	Đánh giá	Kế hoạch năm 2019
11. Nâng số xã đạt tiêu chí xã nông thôn	Xã	Thêm 11 xã, đạt 51 xã	Thêm 11 xã, đạt 51 xã	100	Đạt	Thêm 12 xã đạt 63 xã
12. Giảm tỷ lệ sinh	%	Giảm 0,2	Giảm 1,0		Vượt	Giảm 0,2
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	7	3,33			5
13. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	13,1	12,9		Vượt	12,6
14. Tỷ lệ huy động học sinh 6-14 tuổi đến trường	%	>96	96,06		Đạt	>96
15. Số người được giải quyết việc làm	Lượt người	35.000	38.527	110,08	Vượt	35.000
16. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	60	60		Đạt	64
<i>Trong đó: Đào tạo nghề có bằng cấp chứng chỉ</i>	%	48	48			49
17. Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	Giảm từ 1 đến 1,5	1,7		Vượt	Giảm từ 1 đến 1,5
18. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	84	84		Đạt	88
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế	%	75	78,62			86,9
19. Tỷ lệ dân số sử dụng nước hợp vệ sinh	%	86	86,1		Đạt	86,2
- Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch	%	94	94,84			96,79
- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	98,9	98,9		Đạt	99,2
20. Tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia	%	100	100		Đạt	100
21. Công tác tuyên truyền	Vụ	Giảm so với năm 2017	Giảm 07 vụ		Đạt	Giảm so với năm 2018
22. Giám số vụ tai nạn giao thông so cùng kỳ						

